

Số: 3136/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 12 năm 2025

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp; lĩnh vực thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 4166/QĐ-BTC ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 4167/QĐ-BTC ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 1136/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính và thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 1924/QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng tại Tờ trình số 419/TTr-STC ngày 19 tháng 12 năm 2025.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 29 thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ (18 thủ tục hành chính cấp tỉnh và 11 thủ tục hành chính cấp xã) trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp; lĩnh vực thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng.

(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thay thế danh mục 18 thủ tục hành chính cấp tỉnh có số thứ tự 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12, 13, 15, 16, 17, 21, 22, 23, 36, 38, 40, 41 của Phụ lục danh mục thủ tục hành chính được công bố kèm theo Quyết định số 1924/QĐ-UBND ngày 09/10/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng và 11 thủ tục hành chính cấp xã có số thứ tự 14, 17, 18, 22, 25, 27, 28, 29, 30, 33, 41 của mục II, Phần B, Phụ lục danh mục thủ tục hành chính được công bố kèm theo Quyết định số 1136/QĐ-UBND ngày 22/8/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Trưởng Ban Quản lý khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã, đặc khu và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Cục KSTTHC (Văn phòng Chính phủ);
- Công Thông tin điện tử thành phố;
- Trung tâm TT&GSĐHTM (IOC);
- Trung tâm CDS&CNCL (DDS);
- Trung tâm PVHCC thành phố;
- VNPT Đà Nẵng;
- Lưu: VT, HCC, STC.



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Chí Cường**



**Phụ lục**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BỊ BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP; LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ HỢP TÁC, HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ TÀI CHÍNH THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

(Kèm theo Quyết định số 3136 /QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

**A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**

Stt	Tên TTHC	Số hồ sơ TTHC	Lĩnh vực	Thời hạn giải quyết	Địa điểm, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Thẩm quyền giải quyết
<b>I THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH</b>									
1	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính, đăng ký đổi tên của doanh nghiệp; Thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế	2.002041.H17	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	03 ngày làm việc	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; - Dịch vụ bưu chính; - Trực tuyến qua Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: + Đối với trường hợp đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính, đăng ký đổi tên của doanh nghiệp: 25.000 đồng/lần. + Đối với trường hợp thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh; thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế: Không quy định. - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần.	- Luật Doanh nghiệp 2020; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp 2020; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính.	- Sở Tài chính (Phòng Doanh nghiệp và Đăng ký kinh doanh); - Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng.	- Sở Tài chính (Phòng Doanh nghiệp và Đăng ký kinh doanh); - Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng.

Stt	Tên TTHC	Số hồ sơ TTHC	Lĩnh vực	Thời hạn giải quyết	Địa điểm, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Thẩm quyền giải quyết
						<ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.</li> <li>- Người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp được thực hiện tại thời điểm doanh nghiệp nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp sẽ được hoàn trả phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>- Người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp lệ phí đăng ký doanh nghiệp tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp không được hoàn trả cho doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp.</li> </ul>			

Stt	Tên TTHC	Số hồ sơ TTHC	Lĩnh vực	Thời hạn giải quyết	Địa điểm, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Thẩm quyền giải quyết
2	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh; đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần; đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp,	2.002011.H17	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	03 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã;</li> <li>- Dịch vụ bưu chính;</li> <li>- Trực tuyến qua Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 25.000 đồng/lần.</li> <li>- Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần.</li> <li>- Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.</li> <li>- Người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp được thực hiện tại thời điểm doanh nghiệp nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp sẽ được hoàn trả phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>- Người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp lệ phí đăng ký doanh nghiệp tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp không được hoàn trả cho</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp 2020;</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp 2020;</li> <li>- Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sở Tài chính (Phòng Doanh nghiệp và Đăng ký kinh doanh);</li> <li>- Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sở Tài chính (Phòng Doanh nghiệp và Đăng ký kinh doanh);</li> <li>- Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng.</li> </ul>

Stt	Tên TTHC	Số hồ sơ TTHC	Lĩnh vực	Thời hạn giải quyết	Địa điểm, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Thẩm quyền giải quyết
	chủ doanh nghiệp chết					doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp.			
3	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh; đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân	2.002009.H17	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp đăng ký thay đổi vốn điều lệ, phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh: 03 ngày làm việc.</li> <li>- Trường hợp đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã;</li> <li>- Dịch vụ bưu chính;</li> <li>- Trực tuyến qua Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 25.000 đồng/lần.</li> <li>- Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần.</li> <li>- Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.</li> <li>- Người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp được thực hiện tại thời điểm doanh nghiệp nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp sẽ được hoàn trả phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>- Người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp lệ phí đăng ký doanh nghiệp tại</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp 2020;</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp 2020;</li> <li>- Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sở Tài chính (Phòng Doanh nghiệp và Đăng ký kinh doanh);</li> <li>- Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sở Tài chính (Phòng Doanh nghiệp và Đăng ký kinh doanh);</li> <li>- Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng.</li> </ul>

Stt	Tên TTHC	Số hồ sơ TTHC	Lĩnh vực	Thời hạn giải quyết	Địa điểm, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Thẩm quyền giải quyết
				nghiệp tư nhân: 01 ngày làm việc.		thời điểm nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp không được hoàn trả cho doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp.			
4	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo lập địa điểm kinh doanh; thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài	2.002069.H17	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	03 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã;</li> <li>- Dịch vụ bưu chính;</li> <li>- Trực tuyến qua Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp:</li> <li>+ Trường hợp đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo lập địa điểm kinh doanh: 25.000 đồng/lần.</li> <li>+ Trường hợp thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài: Không quy định.</li> <li>- Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.</li> <li>- Người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp lệ phí đăng ký doanh nghiệp tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp 2020;</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp 2020;</li> <li>- Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sở Tài chính (Phòng Doanh nghiệp và Đăng ký kinh doanh);</li> <li>- Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sở Tài chính (Phòng Doanh nghiệp và Đăng ký kinh doanh);</li> <li>- Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng.</li> </ul>

Stt	Tên TTHC	Số hồ sơ TTHC	Lĩnh vực	Thời hạn giải quyết	Địa điểm, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Thẩm quyền giải quyết
						không được hoàn trả cho doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp. - Người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp được thực hiện tại thời điểm doanh nghiệp nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp sẽ được hoàn trả phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp.			
5	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở chia công ty, tách công ty, hợp nhất công ty	2.002085.H17	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	03 ngày làm việc	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; - Dịch vụ bưu chính; - Trực tuyến qua Cổng	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 25.000 đồng/lần. - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần. - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử. - Người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp phí	- Luật Doanh nghiệp 2020; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp 2020; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính;	- Sở Tài chính (Phòng Doanh nghiệp và Đăng ký kinh doanh); - Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu	- Sở Tài chính (Phòng Doanh nghiệp và Đăng ký kinh doanh); - Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công

Stt	Tên TTHC	Số hồ sơ TTHC	Lĩnh vực	Thời hạn giải quyết	Địa điểm, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Thẩm quyền giải quyết
					<p>thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp được thực hiện tại thời điểm doanh nghiệp nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp sẽ được hoàn trả phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>- Người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp lệ phí đăng ký doanh nghiệp tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp không được hoàn trả cho doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp.</p>	<p>công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp được thực hiện tại thời điểm doanh nghiệp nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp sẽ được hoàn trả phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>- Người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp lệ phí đăng ký doanh nghiệp tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp không được hoàn trả cho doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp.</p>	<p>- Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ Tài chính;</p> <p>- Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính.</p>	<p>công nghiệp Đà Nẵng.</p>	<p>ngành Đà Nẵng.</p>
6	Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường; chấm dứt Cam	2.000368.H17	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	03 ngày làm việc	<p>- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã;</p> <p>- Dịch vụ</p>	Không quy định.	<p>- Luật Doanh nghiệp 2020;</p> <p>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp 2020;</p>	<p>- Sở Tài chính (Phòng Doanh nghiệp và Đăng ký kinh doanh);</p>	<p>- Sở Tài chính (Phòng Doanh nghiệp và Đăng ký kinh doanh);</p>

Stt	Tên TTHC	Số hồ sơ TTHC	Lĩnh vực	Thời hạn giải quyết	Địa điểm, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Thẩm quyền giải quyết
	kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường của doanh nghiệp xã hội				bưu chính; - Trực tuyến qua Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.		- Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính.	- Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng.	- Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng.
7	Đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp; thông báo hủy bỏ nghị quyết, quyết định giải thể doanh nghiệp	1.010010.H17	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	- Đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp: 03 ngày làm việc. - Thông báo hủy bỏ nghị quyết, quyết định giải thể doanh nghiệp: 01	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; - Dịch vụ bưu chính; - Trực tuyến qua Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.	Không quy định.	- Luật Doanh nghiệp 2020; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp 2020; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ Tài chính;	- Sở Tài chính (Phòng Doanh nghiệp và Đăng ký kinh doanh); - Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng.	- Sở Tài chính (Phòng Doanh nghiệp và Đăng ký kinh doanh); - Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng.

Stt	Tên TTHC	Số hồ sơ TTHC	Lĩnh vực	Thời hạn giải quyết	Địa điểm, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Thẩm quyền giải quyết
				ngày làm việc.			- Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính.		
<b>II THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ</b>									
1	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác/ Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/ Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy	2.002638.H17	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc	- Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; - Dịch vụ bưu chính; - Trực tuyến qua Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã/ Công Dịch vụ công quốc gia.	- Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã năm 2023. - Mức lệ phí cụ thể do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định (căn cứ quy định tại Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Thông tư số 85/2019/TT-BTC)). - Người nộp hồ sơ đăng ký nộp lệ phí đăng ký kinh doanh tại thời điểm nộp hồ sơ. Lệ phí đăng ký kinh doanh có thể nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính); - Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ Tài chính.	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã

Stt	Tên TTHC	Số hồ sơ TTHC	Lĩnh vực	Thời hạn giải quyết	Địa điểm, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Thẩm quyền giải quyết
						<p>ở cấp xã hoặc chuyển vào tài khoản của Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã hoặc thanh toán trực tuyến thông qua chức năng thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc bằng cách thức khác theo quy định của pháp luật. Lệ phí đăng ký kinh doanh không được hoàn trả trong trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được cấp đăng ký.</p> <p>- Tiền sử dụng dịch vụ thanh toán trực tuyến không được tính trong lệ phí đăng ký kinh doanh.</p>			
2	Thông báo tạm ngừng kinh doanh/ tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại	2.002641.H17	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã;</li> <li>- Dịch vụ bưu chính;</li> <li>- Trực tuyến qua Hệ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã năm 2023.</li> <li>- Mức lệ phí (nếu có) theo quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hợp tác xã 2023;</li> <li>- Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của</li> </ul>	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã

Stt	Tên TTHC	Số hồ sơ TTHC	Lĩnh vực	Thời hạn giải quyết	Địa điểm, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Thẩm quyền giải quyết
	diện, địa điểm kinh doanh				thông tin về đăng ký hợp tác xã/ Công Dịch vụ công quốc gia.		Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính); - Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ Tài chính.		
3	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	2.002643.H17	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc	- Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; - Dịch vụ bưu chính; - Trực tuyến qua Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã/ Công Dịch vụ công quốc gia.	- Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã năm 2023. - Mức lệ phí (nếu có) theo quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính); - Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ Tài chính.	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã
4.	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại	2.002123.H17	Thành lập và hoạt động của tổ hợp	03 ngày làm việc	- Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính	- Mức lệ phí cụ thể do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định (căn cứ quy định tại Thông tư số	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ;	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã

Stt	Tên TTHC	Số hồ sơ TTHC	Lĩnh vực	Thời hạn giải quyết	Địa điểm, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Thẩm quyền giải quyết
	diện, thông báo địa điểm kinh doanh; Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		công thành phố/cấp xã; - Dịch vụ bưu chính; - Trực tuyến qua Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã/ Công Dịch vụ công quốc gia.	85/2019/TT-BTC). - Người nộp hồ sơ đăng ký kinh doanh tại thời điểm nộp hồ sơ. Lệ phí đăng ký kinh doanh có thể nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ ở cấp xã hoặc chuyển vào tài khoản của Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã hoặc thanh toán trực tuyến thông qua chức năng thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc bằng cách thức khác theo quy định của pháp luật. Lệ phí đăng ký kinh doanh không được hoàn trả trong trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được cấp đăng ký. - Tiền sử dụng dịch vụ thanh toán trực tuyến không được tính trong lệ phí đăng ký kinh doanh.	- Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính); - Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ Tài chính.		
5	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã,	2.002648.H17	Thành lập và hoạt động của tổ hợp	03 ngày làm việc	- Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính	- Mức lệ phí cụ thể do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định (căn cứ quy định tại Thông tư số	- Luật Hợp tác xã 2023;	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã .

Stt	Tên TTHC	Số hồ sơ TTHC	Lĩnh vực	Thời hạn giải quyết	Địa điểm, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Thẩm quyền giải quyết
	liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		<p>công thành phố/cấp xã;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dịch vụ bưu chính;</li> <li>- Trực tuyến qua Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã/ Công Dịch vụ công quốc gia.</li> </ul>	<p>85/2019/TT-BTC).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người nộp hồ sơ đăng ký kinh doanh tại thời điểm nộp hồ sơ. Lệ phí đăng ký kinh doanh có thể nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ ở cấp xã hoặc chuyển vào tài khoản của cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã hoặc thanh toán trực tuyến thông qua chức năng thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc bằng cách thức khác theo quy định của pháp luật. Lệ phí đăng ký kinh doanh không được hoàn trả trong trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được cấp đăng ký.</li> <li>- Tiền sử dụng dịch vụ thanh toán trực tuyến không được tính trong lệ phí đăng ký kinh doanh.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính);</li> <li>- Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ Tài chính.</li> </ul>		

**B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ**

Stt	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC bị bãi bỏ	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Số QĐ đã công bố TTHC bị bãi bỏ
<b>I THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH</b>					
1	2.002010.H17	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	- Sở Tài chính (Phòng Doanh nghiệp và Đăng ký kinh doanh); - Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng.	Số thứ tự số 08, Phụ lục kèm theo Quyết định số 1924/QĐ-UBND
2	1.005114.H17	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	- Sở Tài chính (Phòng Doanh nghiệp và Đăng ký kinh doanh); - Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng.	Số thứ tự số 10, Phụ lục kèm theo Quyết định số 1924/QĐ-UBND
3	2.002000.H17	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	- Sở Tài chính (Phòng Doanh nghiệp và Đăng ký kinh doanh); - Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng.	Số thứ tự số 11, Phụ lục kèm theo Quyết định số 1924/QĐ-UBND
4	2.001996.H17	Thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	- Sở Tài chính (Phòng Doanh nghiệp và Đăng ký kinh doanh); - Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng.	Số thứ tự số 12, Phụ lục kèm theo Quyết định số 1924/QĐ-UBND
5	2.001993.H17	Đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	- Sở Tài chính (Phòng Doanh nghiệp và Đăng ký kinh doanh); - Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng.	Số thứ tự số 13, Phụ lục kèm theo Quyết định số 1924/QĐ-UBND
6	2.001954.H17	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Cơ - Sở Tài chính (Phòng Doanh nghiệp và Đăng ký kinh doanh);	Số thứ tự số 15, Phụ lục kèm theo Quyết định số 1924/QĐ-UBND

Stt	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC bị bãi bỏ	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Số QĐ đã công bố TTHC bị bãi bỏ
				- Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng.	
7	2.002070.H17	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	- Sở Tài chính (Phòng Doanh nghiệp và Đăng ký kinh doanh); - Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng.	Số thứ tự số 17, Phụ lục kèm theo Quyết định số 1924/QĐ-UBND
8	2.002083.H17	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở tách công ty	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	- Sở Tài chính (Phòng Doanh nghiệp và Đăng ký kinh doanh); - Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng.	Số thứ tự số 22, Phụ lục kèm theo Quyết định số 1924/QĐ-UBND
9	2.002059.H17	Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	- Sở Tài chính (Phòng Doanh nghiệp và Đăng ký kinh doanh); - Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng.	Số thứ tự số 23, Phụ lục kèm theo Quyết định số 1924/QĐ-UBND
10	2.000375.H17	Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường của doanh nghiệp xã hội	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	- Sở Tài chính (Phòng Doanh nghiệp và Đăng ký kinh doanh); - Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng.	Số thứ tự số 38, Phụ lục kèm theo Quyết định số 1924/QĐ-UBND
11	1.010023.H17	Thông báo hủy bỏ nghị quyết, quyết định giải thể doanh nghiệp	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Cơ - Sở Tài chính (Phòng Doanh nghiệp và Đăng ký kinh doanh); - Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng.	Số thứ tự số 41, Phụ lục kèm theo Quyết định số 1924/QĐ-UBND
<b>II THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ</b>					
1	2.001973.H17	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã	Số thứ tự số 17 mục II, Phần B, Phụ lục kèm theo Quyết định số 1136/QĐ-UBND

Stt	Số hồ sơ TTTC	Tên TTTC bị bãi bỏ	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Số QĐ đã công bố TTTC bị bãi bỏ
		diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã			
2	1.005377.H17	Thông báo tạm ngừng kinh doanh/ tiếp tục kinh doanh trở lại đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã	Số thứ tự số 14 mục II, Phần B, Phụ lục kèm theo Quyết định số 1136/QĐ-UBND
3	2.002644.H17	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã	Số thứ tự số 28 mục II, Phần B, Phụ lục kèm theo Quyết định số 1136/QĐ-UBND
4	2.002645.H17	Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã	Số thứ tự số 29 mục II, Phần B, Phụ lục kèm theo Quyết định số 1136/QĐ-UBND
5	2.002646.H17	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã	Số thứ tự số 30 mục II, Phần B, Phụ lục kèm theo Quyết định số 1136/QĐ-UBND
6	2.002650.H17	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã	Số thứ tự số 33 mục II, Phần B, Phụ lục kèm theo Quyết định số 1136/QĐ-UBND